

BÀN VỀ HÌNH PHẠT CẢNH CÁO TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015

DISCUSSION ON THE WARNING PUNISHMENT IN THE CRIMINAL CODE 2015

*Thiều Cẩm Sơn**

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 01/06/2022
Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 01/12/2022
Ngày bài báo được duyệt đăng: 28/12/2022

Tóm tắt: Cảnh cáo là hình phạt chính nhẹ nhất trong hệ thống hình phạt của Việt Nam. Cảnh cáo có những ưu điểm nổi bật như không tước bỏ hoặc hạn chế tự do của người bị kết án, người bị kết án không bị cách ly khỏi xã hội...ưu điểm trên càng thể hiện rõ chính sách nhất quán luôn thể hiện tính nhân đạo, hướng thiện và tiếp tục là xu hướng phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam. Tuy nhiên, qua nghiên cứu về kỹ thuật lập pháp và khảo sát thực tiễn tư pháp ở Việt Nam thấy rằng việc xây dựng quy định và áp dụng hình phạt này còn bộc lộ nhiều hạn chế. Bài viết thể hiện quan điểm của tác giả, luận bàn và kiến nghị góp phần áp dụng các quy định về hình phạt cảnh cáo được hiệu quả hơn.

Từ khóa: Hình phạt; không tước tự do; cảnh cáo; Bộ luật hình sự năm 2015, nhân đạo

Abstract: The warning is the lightest main punishment in Vietnam's punishment system. The warning has outstanding advantages, such as not depriving or restricting convicts' freedom; convicts are not isolated from society, etc. Advantages are based on always clearly showing that the unified policy can show humanity, orients to the good and continues to be the development trend of Vietnam's criminal law. Through the study of legislative techniques and the survey of judicial practice in Vietnam, it was found that the formulation of regulations and the application of this penalty revealed many limitations. The article presents the author's point of view and discusses and recommends suggestions for more practical application of the warning penalty.

Keywords: Punishment, not depriving of freedom; warning; Criminal Code 2015; humanity.

I. Đặt vấn đề

Các hình phạt chính không tước sự tự do nói chung và hình phạt cảnh cáo nói riêng trong Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có ý nghĩa

quan trọng vừa trong vai trò là một bộ phận cấu thành không thể thiếu trong hệ thống các biện pháp nghiêm khắc của Nhà nước tác động đến tội phạm, vừa với vai trò thể hiện chính sách nhất quán luôn

* Khoa Luật, Trường Đại học Mở Hà Nội

thể hiện tính nhân đạo và xu hướng ngày càng hướng thiện của pháp luật hình sự Việt Nam. Tuy nhiên, cùng với quá trình phát triển toàn diện của đất nước trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội và qua thực tiễn áp dụng, nhiều quy định về hình phạt trong hệ thống hình phạt nói chung và hình phạt cảnh cáo nói riêng trong Bộ luật hình sự năm 2015 vẫn còn một số bất cập và hạn chế. Trong phạm vi bài viết này, tác giả mong muốn khái quát một số những điểm chính về nhận thức cũng như đưa ra một số quan điểm cá nhân về thực trạng pháp luật, áp dụng pháp luật để từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng của hình phạt cảnh cáo.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm và đặc điểm của hình phạt cảnh cáo

2.1.1. Khái niệm hình phạt

Trong lĩnh vực khoa học luật hình sự tại Việt Nam, tội phạm và hình phạt thuộc những đối tượng nghiên cứu chủ yếu và quan trọng nhất. Trong đó, hình phạt là một trong những nội dung đặc biệt quan trọng vì nó có ý nghĩa quyết định đến việc bảo đảm thực hiện có hiệu quả mục đích của Luật hình sự.

Vì vậy, đã có rất nhiều quan điểm của những nhà khoa học nghiên cứu và đưa ra khái niệm về hình phạt như sau:

Theo GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa định nghĩa: *“Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nhà nước nghiêm khắc nhất được quy định trong bộ luật hình sự, do Tòa án áp dụng cho chính người đã thực hiện tội phạm, nhằm trừng trị và giáo dục họ, góp phần vào việc đấu tranh phòng và chống tội phạm, bảo vệ chế độ và trật tự xã hội cũng như các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân”*[†].

Theo GS.TSKH. Lê Văn Cẩm thì: *“Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nhà nước được quyết định trong bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án để tước bỏ hay hạn chế quyền, tự do của người bị kết án theo các quy định của pháp luật hình sự.”*[‡]

Theo GS.TS. Võ Khánh Vinh, hình phạt: *“Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất được Bộ luật hình sự quy định do Tòa án nhân danh nhà nước áp dụng đối với người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm và thể hiện ở việc tước đoạt hoặc hạn chế quyền và lợi ích do pháp luật quy định đối với người bị kết án”*[§]

TS. Trịnh Quốc Toàn cho rằng: *“Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nhà nước, được luật quy định, do Tòa án nhân danh nhà nước áp dụng đối với người phạm tội và được thể hiện ở việc tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của họ nhằm giáo dục, cải tạo họ và phòng ngừa tội phạm, bảo đảm cho luật*

[†] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), *Trách nhiệm hình sự và hình phạt*, Nxb Công an nhân dân, 2001, Hà Nội, tr29

[‡] GS.TSKH.Lê Cẩm, *“Khái niệm, các đặc điểm (dấu hiệu), phân loại và bản chất pháp lý của các biện pháp tha miễn trong luật hình sự Việt Nam”*, 2001, Khoa học pháp lý, tr 8-11

[§] PGS.TS. Võ Khánh Vinh (Chủ biên), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*. Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2006, tr352

hình sự thực hiện được nhiệm vụ bảo vệ và đấu tranh phòng, chống tội phạm”.[†]

PGS.TS. Trịnh Tiên Việt quan niệm: *“Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước, do Tòa án quyết định trong bản án có hiệu lực pháp luật đối với người hoặc pháp nhân thương mại bị kết án với nội dung tước bỏ hay hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó, qua đó nhằm giáo dục cải tạo và phòng ngừa tội phạm”.***

Về góc độ lập pháp, lần đầu tiên trong Bộ luật hình sự năm 1999 và tiếp đến là Bộ luật hình sự năm 2015 các nhà làm luật đã ghi nhận định nghĩa pháp lý về khái niệm hình phạt. Điều 30 Bộ luật hình sự năm 2015 khái niệm hình phạt như sau: *Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật này, do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó.*

Như vậy, trong khoa học luật hình sự Việt Nam cũng như trong luật thực định đã đưa ra các định nghĩa khác nhau về khái niệm hình phạt và hầu như mỗi định nghĩa đều có những hạt nhân là điểm chung nhất định: *Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất trong các biện pháp cưỡng chế của Nhà nước (1), hình phạt phải được quy định trong Bộ luật hình sự và do Tòa án áp dụng đối*

với người phạm tội (2), hình phạt sẽ tước đoạt hoặc hạn chế quyền và lợi ích đối với người phạm tội (3). Theo quan điểm của tác giả, rất đồng tình với cách định nghĩa khi tách mục đích của hình phạt ra khỏi khái niệm, đồng thời trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc các quan điểm kể trên, tác giả có thể khái niệm hình phạt như sau: *“Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật hình sự do Tòa án áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội, nhằm tước bỏ hoặc hạn chế những quyền, tự do hoặc đặt ra những nghĩa vụ pháp lý nhất định đối với người hoặc pháp nhân thương mại đó”.*

2.1.2. Khái niệm hình phạt cảnh cáo

Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) không đưa ra khái niệm hình phạt cảnh cáo mà chỉ nêu ra các điều kiện để người phạm tội được áp dụng hình phạt cảnh cáo. Hiện nay, trong khoa học luật hình sự nước ta, khái niệm hình phạt cảnh cáo còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau, như là:

Theo TS. Trịnh Quốc Toàn, cảnh cáo là *hình phạt có nội dung cưỡng chế ít nghiêm khắc nhất so với các hình phạt chính khác quy định trong Bộ luật hình sự. Cảnh cáo được áp dụng không nhằm trực tiếp hạn chế hoặc tước bỏ những quyền và lợi ích của người bị kết án như quyền tự do, quyền sở hữu tài sản, quyền sống... mà nó là sự khiển trách công khai của Nhà*

[†] TS. Trịnh Quốc Toàn, *Các hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Khoa Luật Đại học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội, 2010, tr34-35

** PGS.TS. Trịnh Tiên Việt, *“Tội phạm và loại trừ trách nhiệm hình sự”*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội, 2019, tr122

nước do Toà án tuyên phạt đối với người bị kết án^{††}.

TS. Nguyễn Phong Hoà viết: “*Cảnh cáo là hình phạt nhẹ nhất trong số các hình phạt của Bộ luật hình sự, hình phạt cảnh cáo áp dụng đối với những người phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt*”^{‡‡}.

TS. Trần Minh Hường lại cho rằng: “*Cảnh cáo là hình phạt khiến trách công khai của Nhà nước do Toà án tuyên đối với người bị kết án*”^{§§}.

Về cơ bản tất cả các quan điểm trên đây về hình phạt cảnh cáo đều hợp lý và có sự thống nhất đó là khẳng định rõ được nội dung và bản chất pháp lý của nó. Tuy nhiên có đề đưa ra một khái niệm đầy đủ và chính xác về nội dung, ngắn gọn nhưng lô-gic đồng thời phù hợp với thực tiễn xét xử và chính sách nhân đạo của Nhà nước, khái niệm hình phạt cảnh cáo nên bao gồm các nội dung: bản chất pháp lý của hình phạt cảnh cáo; hình thức thể hiện; cơ quan thẩm quyền có quyền áp dụng; đối tượng áp dụng và những điều kiện áp dụng.

Theo Đại từ điển Tiếng Việt, động từ “*cảnh*” được hiểu là “*làm cho người ta chú ý*”^{¶¶}; “*cáo*” được hiểu là “*báo, báo cho biết*”^{***}. Do đó, “*cảnh cáo*” được hiểu là nghiêm khắc phê bình trước tập

thể. Xuất phát từ phân tích khái niệm về hình phạt và các quan điểm về hình phạt cảnh cáo kể trên, dưới góc độ khoa học luật hình sự, theo quan điểm tác giả có thể khái niệm hình phạt cảnh cáo: “*Cảnh cáo là hình phạt do Bộ luật hình sự quy định, thể hiện sự khiển trách công khai của Nhà nước đối với người bị kết án phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng chưa đến mức miễn hình phạt*”

2.1.3. Đặc điểm của hình phạt cảnh cáo

Với tư cách là một trong những hình phạt chính quy định trong Bộ luật hình sự, hình phạt cảnh cáo mang những đặc điểm chung của hình phạt, tuy nhiên xuất phát từ khái niệm, bản chất pháp lý đã nêu, có thể rút ra một đặc điểm riêng nổi bật của hình phạt cảnh cáo, đó là:

Một là, Trong hệ thống hình phạt, cảnh cáo thuộc về hình phạt chính. Do đó, có thể áp dụng một cách độc lập, phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

Hai là, cảnh cáo thuộc về hình phạt tước bỏ tư cách hay là gây hậu quả pháp lý bất lợi về uy tín của người bị kết án. Do thể hiện sự khiển trách, phê bình công khai của Nhà nước (thông qua Toà án) đối với người phạm tội. Cảnh cáo tuy không

^{††} Lê Cẩm (Chủ biên), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr285

^{‡‡} Nguyễn Phong Hoà, *Thực trạng công tác thi hành án hình sự và những kiến nghị*, Tạp chí Toà án nhân dân, số 21, năm 2006, tr20

^{§§} Trần Minh Hường, *Tìm hiểu hình phạt và các biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Lao Động, năm 2007, tr30

^{¶¶} Nguyễn Như Ý, *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1998, tr256

^{***} Nguyễn Như Ý, *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1998, tr263

tước bỏ tính mạng, tự do hay tài sản của người phạm tội, nhưng nó đã gây ra tổn hại tới uy tín, danh dự... của người phạm tội. Thông qua áp dụng hình phạt cảnh cáo, uy tín, địa vị xã hội và tư cách của người phạm tội bị giảm sút.

Ba là, với trật tự từ nhẹ đến nặng, cảnh cáo là hình phạt xếp đầu tiên, nên cảnh cáo được coi là hình phạt nhẹ nhất trong hệ thống hình phạt. Tuy cảnh cáo là một loại hình phạt nhẹ nhất như vậy, nhưng nó cũng gây ra những hậu quả pháp lý nghiêm khắc đối với người phạm tội, đó là người phạm tội có thể bị áp dụng thêm hình phạt bổ sung, đồng thời còn mang án tích trong một thời gian nhất định. Án tích là căn cứ để xác định tái phạm và tái phạm nguy hiểm, nó sẽ là căn cứ để tăng nặng trách nhiệm hình sự trong trường hợp người đó phạm tội mới.

2.2. Thực tiễn quy định và áp dụng hình phạt cảnh cáo trong Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)

2.2.1. Quy định về điều kiện áp dụng hình phạt cảnh cáo

Theo Điều 34 Bộ luật hình sự năm 2015, không quy định khái niệm pháp lý của hình phạt này mà chỉ quy định các điều kiện áp dụng như sau:

Một là, tội phạm thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng, Do cảnh cáo là hình phạt nhẹ nhất trong hệ thống hình phạt, cho nên chỉ được áp dụng đối với những hành vi phạm tội mà tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, hậu quả của tội phạm không nghiêm trọng hoặc tội phạm được thực hiện với lỗi vô ý.

Hai là, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Điều 51 Bộ luật hình

sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đây là những tình tiết làm giảm đi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội mà điều luật đó quy định. Có nhiều tình tiết giảm nhẹ có nghĩa là có từ hai tình tiết giảm nhẹ trở lên.

Ba là, chưa đến mức được miễn hình phạt. Miễn hình phạt có nghĩa là: “Sau khi xét xử, Toà án đã xác định một người mà có tội, Toà án đã áp dụng một trong loại hình phạt đối với người đó. Tuy nhiên sau đó Toà án quyết định không thực hiện hình phạt.

Theo pháp luật Việt Nam, miễn hình phạt được coi là nhẹ hơn so với cảnh cáo. Do đó, trong trường hợp một người phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức được miễn hình phạt, thì Toà án có thể áp dụng hình phạt cảnh cáo.

Bốn là, tội phạm mà bị cáo thực hiện có quy định hình phạt cảnh cáo. Cho dù người phạm tội nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng nếu tội phạm mà họ đã thực hiện không quy định hình phạt cảnh cáo, thì họ cũng không được áp dụng loại phạt này.

2.2.2. Phạm vi áp dụng hình phạt cảnh cáo

Trong phần các tội phạm của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), hình phạt cảnh cáo được quy định cụ thể như sau:

Chương XIV (Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người. Có 34 tội danh. Có thể áp dụng hình phạt cảnh cáo là 03 tội danh, chiếm tỉ lệ 8,8%.

Chương XV (Các tội xâm phạm

quyền tự do của con người, quyền dự to, dân chủ của công dân) có 11 tội danh, Có thể áp dụng hình phạt cảnh cáo là 03 tội danh chiếm 27,3%

Chương XVI (Các tội phạm xâm phạm sở hữu) có 13 tội danh. Có thể áp dụng hình phạt cảnh cáo 02 tội danh, chiếm tỷ lệ 115,4%.

Chương XVII (Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế) có 48 tội danh. Có thể áp dụng hình phạt cảnh cáo là 02 tội danh chiếm tỷ lệ 6,3%.

Chương XXII (Các tội phạm về chức vụ) có 16 tội danh. Có thể áp dụng hình phạt cảnh cáo là 02 tội danh, chiếm tỷ lệ 12,5%.

Chương XXIV (Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp) có 24 tội danh. Có thể áp dụng hình phạt cảnh cáo là 03 tội danh, chiếm tỷ lệ 12,5%.

Qua phân tích hình phạt cảnh cáo được quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015 phân các tội phạm, có thể thấy rằng:

Một là, phần các tội phạm trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015 có 319 điều quy định 320 tội danh, trong đó có 27 tội có thể áp dụng hình phạt cảnh cáo, chiếm tỷ lệ 8,4%. Qua đó thấy cảnh cáo không phải là hình phạt phổ biến. Trong phần các tội phạm được quy định không nhiều, chủ yếu là đối với những tội tương đối nhẹ, có tính chất và mức độ nguy hiểm không cao.

Hai là, trong tổng số 14 chương quy định về các tội phạm có 09 chương quy định có thể áp dụng hình phạt cảnh cáo, 05 chương không quy định (Chương XIII: Các tội xâm phạm an ninh quốc gia; Chương XIX: Các tội phạm về môi

trường; Chương XX: Các tội phạm về ma túy; Chương XXV: Các tội phạm xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân và trách nhiệm của người phối thuộc với quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu; Chương XXVI: Các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh). Đây đều là những chương quy định những tội danh có tính chất và mức độ nguy hiểm cao.

Ba là, Chương XVII (Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình) là chương có số tội danh có thể áp dụng hình phạt cảnh cáo chiếm tỷ lệ cao nhất 57,1% trong tổng số những tội danh được quy định ở chương này.

Bốn là, Chương XXI (Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng) là chương chiếm tỷ lệ thấp nhất 1,45% và chương XXI cũng là chương có số tội danh quy định có thể áp dụng hình phạt cảnh cáo thấp nhất: 01 tội danh.

2.2.3. Thi hành hình phạt cảnh cáo

Căn cứ Điều 71 của Luật thi hành án hình sự, hình phạt cảnh cáo được thi hành ngay tại phiên toà và do toà án tuyên. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, toà án phải gửi bản án cho người phạm tội và các cơ quan hữu quan như: cơ quan công an, Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân xã nơi người phạm tội cư trú.... để các cơ quan này có trách nhiệm theo dõi, thống kê và quản lý người phạm tội.

2.2.4. Thực tiễn áp dụng hình phạt cảnh cáo

Như đã phân tích ở trên, cảnh cáo là sự khiển trách công khai của Nhà nước, tuy không tước bỏ tính mạng, tự do hay tài sản của người phạm tội, nhưng nó gây tổn

hại uy tín, danh dự...của người bị kết án. Cảnh cáo là loại hình phạt nhẹ nhất trong hệ thống hình phạt chính. Vì vậy, nó được áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng chưa đến mức miễn hình phạt.

Thực tiễn áp dụng hình phạt cảnh cáo ở Việt Nam cho thấy: Cảnh cáo được áp dụng rất ít. Hàng năm trung bình cảnh cáo chỉ được áp dụng khoảng 0,21% trong tổng số người bị kết án^{†††}. Đồng thời, một số học giả cho rằng hiệu quả giáo dục, cải tạo người phạm tội của cảnh cáo không cao. Do đó, có một số cán bộ thực tiễn đề nghị xoá bỏ hình phạt cảnh cáo trong Bộ luật hình sự^{†††}. Theo quan điểm của tác giả, Bộ luật hình sự hiện hành quy định hình phạt cảnh cáo bởi một số lý do:

Một là: quy định cảnh cáo trong hệ thống hình phạt nhằm tăng cường sự đa dạng hoá các biện pháp xử lý hình sự và góp phần thực hiện nguyên tắc phân hoá trách nhiệm hình sự.

Một hệ thống hình phạt có nhiều loại hình phạt khác nhau, với tính nghiêm khắc khác nhau và chế độ chấp hành khác nhau thì việc xử lý người phạm tội càng chính xác, các tình tiết của hành vi phạm tội, các yếu tố thuộc về nhân thân người phạm tội càng được xem xét khi quyết định hình phạt. Đồng thời đa dạng hoá hình phạt còn là điều kiện bảo đảm tính thống nhất trong thực tiễn xét xử của Toà án và thực hiện

nguyên tắc phân hoá trách nhiệm hình sự. Trong hệ thống hình phạt, nếu càng có nhiều loại hình phạt khác nhau thì khoảng cách, sự khác biệt giữa chúng càng nhỏ đi. Do đó càng có điều kiện cho Toà án trong quá trình xét xử bảo đảm được tính bình đẳng, công bằng và chính xác, phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm trên thực tế của hành vi phạm tội.

Hai là, có lợi đối với xã hội và người phạm tội.

Cảnh cáo là loại hình phạt nhẹ nhất trong hệ thống hình phạt chính của Việt Nam, loại hình phạt này không buộc người bị kết án phải cách ly khỏi xã hội, mà người phạm tội được cải tạo tại cộng đồng. Do vậy, nó có những ưu điểm mà một số hình phạt khác không có được: Người phạm tội vẫn được sống, lao động, học tập bình thường, do vậy các lợi ích vật chất và xã hội khác vẫn được bảo đảm đối với họ. Đồng thời do không bị giam giữ nên họ không có nguy cơ bị nhiễm các thói hư, tật xấu từ những người phạm tội khác^{§§§}. Hai là, trong điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam, việc tổ chức thi hành các hình phạt tù cũng đang đối mặt với nhiều thách thức như: nhiều trại giam cơ sở vật chất còn chưa đủ, chưa đáp ứng được yêu cầu giam giữ đối với người phạm tội. Vì vậy, việc chấp hành hình phạt tù nhiều khi chỉ thực hiện được mục đích cách ly và trừng trị, mà không đạt được mục đích giáo dục,

††† TS. Lê Trung Kiên, Hệ thống hình phạt trong luật hình sự Việt Nam và Trung Quốc, Nxb Tư Pháp, Hà Nội, năm 2018, tr369

††† Bộ Tư pháp, Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý, Hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr140

§§§ TS. Lê Trung Kiên, Hệ thống hình phạt trong luật hình sự Việt Nam và Trung Quốc, Nxb Tư Pháp, Hà Nội, năm 2018, tr371

cải tạo. Do đó hiệu quả của hình phạt tù đối với những người bị kết án về những tội ít nghiêm trọng, với hình thức lỗi vô ý...là không cao. Trước thực tế đó thì việc quy định những loại hình phạt không tước sự tự do như: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ là hoàn toàn cần thiết. Nó giúp giảm áp lực về việc tổ chức thi hành hình phạt tù. Ba là, cảnh cáo góp phần thực hiện tốt chính sách xã hội hoá trong việc giáo dục, cải tạo người phạm tội. Đối với loại hình phạt này, người phạm tội phải chịu sự giám sát của chính quyền địa phương và xã hội. Như vậy có thể nói chính quyền địa phương và quần chúng nhân dân trong xã hội đã góp phần quan trọng trong việc giúp các cơ quan chức năng của Nhà nước giáo dục, cải tạo người phạm tội. Việc xã hội hoá giúp cho người kết án nhanh chóng tái hoà nhập cộng đồng, giảm thiểu chi phí trong công tác giam giữ, giáo dục, cải tạo người phạm tội mà mục đích của hình phạt vẫn đạt được.

Ba là, quy định hình phạt cảnh cáo trong hệ thống hình phạt là phù hợp với xu thế chung của sự phát triển hệ thống hình phạt nói riêng cũng như pháp luật hình sự Việt Nam nói chung. Xu hướng phát triển của chế định hình phạt đó là phát triển theo hướng hoàn thiện hơn, hướng thiện hơn thể hiện rõ trong cả triết lý, tư duy lập pháp và kỹ thuật lập pháp, mở rộng áp dụng các hình phạt không phải là hình phạt tù. Thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt tù, mở rộng phạm vi, đối tượng áp dụng các loại hình phạt không phải hình phạt tù đang trở thành xu hướng tất yếu ngày càng phát triển trên thế giới và cả

ở Việt Nam. Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp Đảng ta đã chỉ rõ cần phải “*coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm. Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*”¹¹¹¹.

III. Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu được vấn đề trong bài viết, tác giả sử dụng các phương pháp đặc thù của khoa học xã hội như phương pháp nghiên cứu tài liệu, phân tích, tổng hợp, quy nạp diễn dịch, suy luận logic thống kê, phỏng vấn...

Các phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp, quy nạp, diễn dịch, phương pháp phân tích quy phạm pháp luật...được vận dụng kết hợp trong việc làm rõ cơ sở lý thuyết của vấn đề nghiên cứu.

Các phương pháp nghiên cứu quy phạm pháp luật, nghiên cứu điển hình, nghiên cứu tài liệu, phỏng vấn, phương pháp phân tích, bình luận, quy nạp, diễn dịch...được sử dụng kết hợp với nhau để làm rõ một số kết quả nghiên cứu và thảo luận vấn đề.

¹¹¹¹ ThS. Thiều Cẩm Sơn, *Báo cáo tổng kết đề tài khoa học và công nghệ cấp Trường: Các xu hướng phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam*, Trường Đại học Mở Hà Nội, năm 2018, tr79

Các phương pháp phân tích, tổng hợp luận giải logic, quy nạp, diễn dịch được sử dụng kết hợp để nhận định và đưa ra các kết luận chung của bài viết.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Một số vướng mắc trong việc áp dụng hình phạt cảnh cáo

Cảnh cáo là hình phạt nhẹ nhất trong hệ thống hình phạt của Việt Nam. Cảnh cáo chính là việc nhà nước thông qua Toà án công khai phê bình, khiển trách người bị kết án. Cảnh cáo có những ưu điểm nổi bật là: không tước bỏ hoặc hạn chế tự do của người bị kết án, người bị cách li khỏi xã hội. Tuy nhiên, ngoài những ưu điểm trên, có thể phân tích một số nhược điểm như sau:

Một là, Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) chưa quy định định nghĩa pháp lý của khái niệm hình phạt cảnh cáo, đồng thời không quy định mang tính bắt buộc về việc áp dụng, mà điều luật nào cũng chỉ quy định: "... thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giữ từ hai năm hoặc phạt tù...". Do vậy, trong hệ thống hình phạt, cảnh cáo là hình phạt được áp dụng với tần suất thấp nhất. Với xu thế phát triển của hệ thống hình phạt Việt Nam là nhân đạo và hướng thiện cũng như của các nước trên thế giới, thì có thể khẳng định rằng tính hiệu quả của hình phạt cảnh cáo sẽ ngày được nâng cao. Tuy nhiên hiện nay trong hệ thống hình phạt, cảnh cáo vẫn chưa được coi trọng. Trong phần các tội phạm, những tội danh có thể áp dụng hình phạt cảnh cáo chiếm tỉ lệ rất nhỏ: 8,4%. Tác giả cho rằng đây là tỉ lệ quá thấp, chưa phù hợp và từ đó cần quy

định trước hết là định nghĩa pháp lý của hình phạt cảnh cáo, sau đó mở rộng một cách thống nhất dựa trên định nghĩa trên các tội danh có thể áp dụng hình phạt cảnh cáo phù hợp với đặc điểm của hình phạt này đó là tội phạm ít nghiêm trọng, thực hiện với vô ý...

Hai là, các quy định về cảnh cáo trong Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) không rõ ràng. Điều 34 chỉ quy định rất đơn giản: "*Cảnh cáo được áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt*". Từ đó có thể cho thấy rằng, điều kiện áp dụng hình phạt cảnh cáo cũng tương tự với việc áp dụng cải tạo không giam giữ (Điều 36); hoặc hoãn chấp hành hình phạt tù (Điều 67). Do vậy, đã dẫn đến tình trạng cùng một hành vi phạm tội, nhưng có nơi áp dụng cảnh cáo, có nơi không áp dụng. Ngoài ra phần các tội phạm, rất nhiều tội danh có tính chất và mức độ nguy hiểm cao, được thực hiện với hình thức lỗi cố ý, tuy nhiên trong hình phạt của các tội này vẫn quy định hình phạt cảnh cáo là chưa phù hợp. Ngược lại trong phần các tội phạm cũng có nhiều tội danh được thực hiện dưới hình thức phạm tội vô ý, nhưng lại không quy định hình phạt cảnh cáo.

Ba là, tính trừng phạt, răn đe là chưa đủ

Cảnh cáo là một trong những hình phạt chính nằm trong hệ thống hình phạt của Việt Nam. Tuy nhiên tất cả các quyền lợi của người bị kết án đều không bị hạn chế hoặc tước bỏ. Hậu quả pháp lý duy nhất mà họ phải chịu là: phải mang án

tích 01 năm, Qua đó cũng thấy rằng, giữa những người bị kết án cảnh cáo và công dân bình thường dường như không có sự khác biệt. Điều này làm hình phạt cảnh cáo không đủ sức răn đe đối với người bị kết án, rất nhiều người sau khi bị kết án vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

4.2. Một số kiến nghị

Cho dù hiện nay tại Việt Nam có nhiều ý kiến tranh luận về vấn đề tồn tại hay loại bỏ hình phạt cảnh cáo trong Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, không thể phủ nhận cảnh cáo cũng có những ưu điểm mà không loại hình phạt nào có được. Vì vậy, cảnh cáo vẫn được quy định trong hệ thống hình phạt Việt Nam hiện nay. Nhằm phát huy những ưu điểm, đồng thời hạn chế những nhược điểm của hình phạt cảnh cáo, tác giả kiến nghị một số vấn đề sau:

Một là, đưa khái niệm về hình phạt cảnh cáo trong Điều 34 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Theo quy định hiện hành, không khái niệm về hình phạt cảnh cáo mà chỉ nêu điều kiện áp dụng hình phạt này. Do đó, theo quan điểm của tác giả cần đưa ra định nghĩa pháp lý của khái niệm hình phạt cảnh cáo và khẳng định bản chất pháp lý của hình phạt này là sự khiển trách công khai của nhà nước đối với người bị kết án, nhằm giúp cho không chỉ các cơ quan và người có thẩm quyền trong cơ quan tiến hành tố tụng (cụ thể là Tòa án) áp dụng các quy định tương ứng được đúng đắn và chính xác trên thực tế mà còn giúp cho cán bộ nghiên cứu khoa học, giảng dạy, nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên có nhận thức đúng đắn và thống nhất

về hình phạt cảnh cáo phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

Hai là, loại bỏ hình phạt cảnh cáo ở một số tội danh được thực hiện với lỗi cố ý. Đồng thời quy định thêm hình phạt cảnh cáo ở một số tội danh được thực hiện với lỗi vô ý.

Như đã phân tích, tác giả cho rằng hình phạt cảnh cáo chỉ nên áp dụng đối với tội phạm được thực hiện bằng hình thức lỗi vô ý. Đối với người phạm tội với lỗi cố ý thì cần hạn chế hoặc không áp dụng hình phạt này. Vì vậy, tác giả kiến nghị bỏ cảnh cáo ở một số tội danh như sau: Điều 155 (Tội làm nhục người khác), Điều 185 (Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình), Điều 335 (Tội cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự), Điều 382 (Tội khai báo gian dối hoặc cung cấp tài liệu sai sự thật), Điều 383 (Tội từ chối khai báo, từ chối kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu). Đồng thời quy định thêm hình phạt cảnh cáo ở một số tội danh có tính nguy hiểm thấp, được thực hiện dưới hình thức lỗi vô ý như sau: Điều 260 (Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ), Điều 261 (Tội cản trở giao thông đường bộ), Điều 262 (Tội đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng không bảo đảm an toàn), Điều 263 (Tội điều động người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ), Điều 338 (Tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước, tội làm mất vật, tài liệu bị mất nhà nước).

Ba là, cần quy định rõ về đối tượng áp dụng hình phạt cảnh cáo.

Do cảnh cáo là hình phạt nhẹ nhất trong hệ thống hình phạt, người bị kết án cảnh cáo không bị tước bỏ hoặc hạn chế các quyền lợi của mình. Chính vì vậy cảnh cáo chỉ được áp dụng trong những trường hợp đặc biệt. Tuy nhiên, theo quy định của Điều 34 hình phạt cảnh cáo của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) chưa thể hiện rõ điều này. Tác giả cho rằng cần quy định rõ về đối tượng áp dụng, cụ thể: Cảnh cáo chỉ được áp dụng đối với người vô ý phạm tội lần đầu và ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bốn là, tăng cường khả năng răn đe của hình phạt cảnh cáo.

Để tăng cường hiệu quả của hình phạt cảnh cáo, tác giả cho rằng cần tăng tính răn đe đối với người bị kết án hơn nữa. Để làm được điều đó, Bộ luật hình sự cần quy định thêm: bắt buộc các Toà án sau khi tuyên án phải thông báo cho cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, chính quyền địa phương nơi người bị kết án làm việc hoặc cư trú biết. Việc thông báo này vừa tăng cường tính răn đe của bản án, vừa để các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội đó biết và có trách nhiệm theo dõi, giám sát và giáo dục người bị kết án theo tinh thần của khoản 1 Điều 3 Bộ luật hình sự. Ngoài ra có thể cân nhắc quy định chế độ lao động công ích đối với người bị kết án trong Luật thi hành án hình sự, vì suy cho cùng dù không lớn nhưng người bị kết án cũng đã gây thiệt hại cho xã hội, nên họ phải tiến hành lao động công ích, góp phần nâng cao trách nhiệm của cá nhân của người bị kết án đối với xã

hội và thông qua đó đạt được mục đích của hình phạt vừa răn đe, vừa cải tạo giáo dục họ và những người khác.

V. Kết luận

Hình phạt cảnh cáo là hình phạt nhẹ nhất trong hệ thống hình phạt ở Việt Nam. Trong xu hướng thực hiện chính sách hình sự hướng thiện, giảm bớt hình phạt tù mở rộng việc áp dụng hình phạt không tước tự do theo tính thần Nghị quyết 49/NQ-TW về Cải cách tư pháp thì việc quy định và áp dụng hình phạt cảnh cáo có ý nghĩa lớn trong hiện thực hoá chủ trương này. Tuy nhiên, về mặt lý luận chưa có nghiên cứu đầy đủ, toàn diện, sâu sắc về bản chất, nội dung, ý nghĩa của hình phạt này. Bên cạnh đó, quy định của BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) về hình phạt cảnh cáo còn bất cập dẫn đến việc áp dụng, thi hành hình phạt này trên thực tế còn hạn chế.

Dưới góc độ tiếp cận và nghiên cứu của tác giả, bài viết đã đưa ra những nhận thức lý luận về hình phạt cảnh cáo, đề xuất một số kiến nghị và giải pháp để hoàn thiện pháp luật và áp dụng hình phạt cảnh cáo trên thực tiễn.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), *Trách nhiệm hình sự và hình phạt*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội; 2001;
- [2]. GS.TSKH.Lê Cẩm, “*Khái niệm, các đặc điểm (dấu hiệu), phân loại và bản chất pháp lý của các biện pháp tha miễn trong luật hình sự Việt Nam*”, Tạp chí Khoa học pháp lý, Hà Nội, 2011;
- [3]. PGS.TS. Võ Khánh Vinh (Chủ biên), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam* (Phần chung). Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2006;

- [4]. TS. Trịnh Quốc Toàn, *Các hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sỹ luật học, Khoa Luật Đại học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội, 2010;
- [5]. PGS.TS. Trịnh Tiến Việt, “*Tội phạm và loại trừ trách nhiệm hình sự*”, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội, 2019;
- [6]. Lê Cẩm (Chủ biên), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội;
- [7]. Nguyễn Phong Hoà, *Thực trạng công tác thi hành án hình sự và những kiến nghị*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 21, năm 2006;
- [8]. Trần Minh Hường, *Tìm hiểu hình phạt và các biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Lao Động, năm 2007;
- [9]. Nguyễn Như Ý, *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1998;
- [10]. TS. Lê Trung Kiên, *Hệ thống hình phạt trong luật hình sự Việt Nam và Trung Quốc*, Nxb Tư Pháp, Hà Nội, năm 2018;
- [11]. Bộ Tư pháp, Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý, *Hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995;
- [12]. ThS. Thiều Cẩm Sơn, *Báo cáo tổng kết đề tài khoa học và công nghệ cấp Trường: Các xu hướng phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam*, Trường Đại học Mở Hà Nội, năm 2018.
- Địa chỉ tác giả: Khoa Luật – Trường Đại học Mở Hà Nội**
Email: Sontvpl@hou.edu.vn

